

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC

(Tiếp theo số 33)

- PGS. TS. NGUYỄN THUY HỒNG
- PGS.TS. NGUYỄN THỊ HẠNH
- TS. TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

4. Phương pháp vấn đáp (Phương pháp đàm thoại)

4.1. Bản chất

Bản chất của phương pháp này là sử dụng câu hỏi để gợi cho HS tìm tòi, suy nghĩ nhằm đạt được những mục tiêu của bài học. Căn cứ vào tính chất hoạt động nhận thức có thể có các loại vấn đáp như: Vấn đáp tái hiện (dựa vào trí nhớ, không cần suy luận được sử dụng khi cần tái hiện, củng cố hoặc thiết lập mối quan hệ với những kiến thức đã học), Vấn đáp giải thích minh họa (nhằm làm sáng tỏ một vấn đề nào đó có dẫn chứng minh họa), Vấn đáp tìm tòi (phát hiện, đàm thoại để tìm lời đáp cho những câu hỏi). Kết quả là dưới sự dẫn dắt của GV, HS hiểu, thể hiện được những suy nghĩ, những ý tưởng, khám phá về nội dung bài học. Sự thành công của phương pháp vấn đáp phụ thuộc vào hệ thống câu hỏi (nội dung hỏi, cách hỏi và thời điểm hỏi) mà GV đưa ra có thể giúp HS suy nghĩ, tìm tòi, mở rộng, đào sâu hay tổng kết, hệ thống hoá những thông tin mới trên cơ sở vận dụng kinh nghiệm đã tích lũy được.

4.2. Quy trình thực hiện

- GV theo mục tiêu của bài giảng chuẩn bị đề cương bài dạy và hệ thống câu hỏi, chuẩn bị các tài liệu và phương tiện dạy học hỗ trợ. HS chuẩn bị thông tin theo vấn đề GV sẽ vấn đáp.
- GV giới thiệu nội dung các vấn đề sẽ đưa ra vấn đáp, GV/HS nêu câu hỏi.
- HS suy nghĩ trả lời, các HS khác và GV nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét và hệ thống hoá toàn bộ nội dung các vấn đề đã vấn đáp.

4.3. Ưu điểm

- + Thu nhận tức thời nhiều thông tin phản hồi từ phía người học.
- + Điều khiển có hiệu quả hoạt động tư duy của HS: Kích thích khả năng tự học hỏi, tự tìm thông tin, kích thích tư duy độc lập và cách suy nghĩ của HS theo đúng hướng.
- + Giúp HS hiểu nội dung học tập (không học vẹt, thuộc lòng).
- + Phát triển khả năng giao tiếp (đặc biệt là kĩ năng trình bày những suy nghĩ cá nhân trước tập thể).
- + Đánh giá được mức độ nắm vững nội dung, sự tiến bộ, dự đoán những khó khăn nảy sinh trong quá trình học tập của HS và đề xuất những giải pháp khắc phục kịp thời.
- + Có nhiều loại câu hỏi → có thể sử dụng linh hoạt.

4.4. Hạn chế

- Về phía GV:
 - + Chuẩn bị bài giảng hết sức công phu, mất nhiều thời gian đặc biệt trong việc xây dựng hệ thống câu hỏi.
 - + Khó kiểm soát quá trình học tập của HS (có nhiều tình huống bất ngờ trong câu trả lời thậm chí câu hỏi từ phía người học, giờ học dễ lệch hướng do câu hỏi vụn vặt, không nhất quán).
 - + Khó soạn và xây dựng đáp án cho các câu hỏi mở (vì phương án trả lời của HS sẽ không giống nhau).
- Về phía HS:
 - + Dễ phụ thuộc vào sự dẫn dắt (qua cách đặt câu hỏi) của GV.
 - + Hạn chế khả năng chủ động tự tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức, kĩ năng cũ và kiến thức, kĩ năng mới.

- + Mất thời gian học tập.
- + Dễ trở thành tranh luận tay đôi.
- + Ít HS được hỏi, được nói, số HS không được nói sẽ dễ mất hứng thú hoặc không tập trung.

4.5. Một số lưu ý

- Số lượng các câu hỏi, bài tập trong giờ học không nên quá nhiều, tránh đặt các câu hỏi khai thác vào những chi tiết giản đơn, dễ hiểu hay vụn vặt, không hệ thống, hoặc đi quá xa chuẩn yêu cầu cần đạt của bài học.

- Chú trọng tới những năng lực thực sự của HS (khả năng tiếp nhận, cảm thụ, nghe - nói - đọc - viết...), tạo điều kiện cho tất cả HS được tham gia vào cuộc đàm thoại (được hỏi, được nói).

- Đặt câu hỏi cho cả lớp rồi mới chỉ định HS trả lời.

- Yêu cầu những HS khác nghe và bổ sung, nhận xét câu trả lời của bạn.

- Lắng nghe câu trả lời của HS với thái độ khuyến khích, động viên.

- Có kĩ thuật đặt câu hỏi: Câu hỏi được đặt ra có hệ thống, theo một lô gic nhất định; bám sát yêu cầu bài học; phù hợp với trình độ HS; gây hứng thú trả lời nhằm hướng HS từng bước khám phá phát hiện ra bản chất của vấn đề được hỏi.

4.6. Ví dụ

4.6.1 Bài học vẫn có cấu tạo giống vẫn đã học ở lớp 1 (bài học vẫn ay)

- Bước 1: GV nêu câu hỏi, giúp HS định hướng trả lời.

+ GV cho HS so sánh cấu tạo của vẫn ay và vẫn ai đã học, HS phân tích cả 2 vẫn trên để nhận ra phần giống nhau của hai vẫn này là âm a, phần khác nhau là âm cuối *i* (trong vẫn ai) và *y* (trong vẫn ay).

+ HS muốn biết vẫn ay có trong những từ nào.

- Bước 2: HS thực hiện giải quyết vấn đề.

+ Ghép vẫn ay : a-y-ay.

+ Ghép vẫn ay với âm đầu và thanh điệu để tạo tiếng, tạo từ:

t-ay-tay, b-ay-bay, ch-ay-chay-sắc-cháy,...

+ Đọc một số từ chứa vẫn ay (trong bài và ngoài bài): cay, hay, cày, máy, may mặc, nhấp nháy,...

+ Đọc câu có từ chứa vẫn ay (trong bài và ngoài bài): Bàn tay em xinh. Con trâu đi cày...

- Bước 3: Đánh giá việc trả lời của HS.

+ HS đọc một số từ chỉ khác nhau phần vẫn ai và ay, giống nhau về âm đầu và thanh điệu để kiểm tra việc đọc đúng vẫn ay: *tay – tai, cày-cây, máy-máy, chày-chài, hay-hai,...*

+ HS đọc câu có từ mang vẫn ay và gạch dưới từ mang vẫn ay: *Bố em có xe máy.*

4.6.2. Luyện từ và câu ở lớp 2 (phần nội dung mở rộng vốn từ về cá - học kì II lớp 2, chủ đề Sông biển)

- Bước 1: GV giới thiệu nhiệm vụ của bài tập tìm từ chỉ các loài cá nước ngọt và cá nước mặn. Sau đó GV nêu câu hỏi: Cá sống ở đâu? Nơi nào thì có những loại cá nào?

- Bước 2: HS suy nghĩ, trả lời.

+ HS thảo luận và chỉ ra các nơi cá sống : sông, hồ, ao, biển. Sông, hồ, ao là nơi có nước ngọt sống, biển là nơi có nước mặn.

+ HS thảo luận và đưa ra tên các loài cá sống ở sông, hồ, ao, tên các loài cá sống ở biển.

+ HS tập hợp tên các loài cá vào bảng theo mẫu trong sách giáo khoa.

- Bước 3: Đánh giá câu trả lời của HS.

+ HS thông báo kết quả của nhóm thể hiện trong bảng ghi tên các loài cá nước ngọt và các loài cá nước mặn. Các nhóm khác bình luận và bổ sung cho nhóm bạn một số tên cá, loại bỏ một số tên ghi chưa đúng yêu cầu.

+ HS ghi chép tên các loài cá vào vở (theo mẫu trong sách).

4.6.3. Nói và viết về ngày hội ở quê hương em ở lớp 3 (chủ đề Lễ hội, kì II lớp 3)

- Bước 1: GV nêu câu hỏi, giúp HS định hướng trả lời

+ GV hỏi HS về những ngày vui trong năm ở làng, xã hoặc phố nơi các em đang sống để HS kể ra một số ngày vui.

+ GV yêu cầu HS suy nghĩ xem những ngày nào là ngày hội trong số những ngày vui các em biết và cố gắng giải thích xem vì sao đó lại là ngày hội.

- Bước 2: HS suy nghĩ, trả lời.

+ HS trong từng nhóm chọn một ngày hội để nói về ngày hội đó.

+ HS cùng chia sẻ kinh nghiệm và hiểu biết của mình với các bạn trong nhóm về ngày hội đã

chọn: tên ngày hội, nơi diễn ra hội, ngày diễn ra hội, một số hoạt động chính diễn ra trong ngày hội, một vài trò vui trong ngày hội, những điều em thích trong ngày hội.

+ Từng HS ghi chép các ý kiến vào vở và một số HS dựa vào những điều đã được chia sẻ và ghi chép để nói về ngày hội đã chọn. Những HS khác trong nhóm bổ sung để giúp bạn hoàn thiện bài nói.

- Bước 3: Đánh giá câu trả lời của HS.

+ Đại diện từng nhóm nói về ngày hội nhóm mình đã chọn theo nội dung đã chuẩn bị trong nhóm.

+ Các nhóm bình luận về bài nói của từng nhóm để giúp nhóm bạn hoàn thiện bài nói của mình.

+ Mỗi HS tự chọn một ngày hội đã được nghe để chuẩn bị nội dung cho bài viết về một ngày hội sẽ học ở bài tiếp theo.

4.6.4. Thêm trạng ngữ cho câu trong phần Luyện từ và câu lớp 4 (học kì II)

- Bước 1: GV nêu câu hỏi, giúp HS định hướng trả lời

+ GV giới thiệu một câu kể nêu một sự việc nhưng chưa nói rõ thời gian diễn ra sự việc ấy. Ví dụ: Em tôi bắt đầu học tiếng Anh.

+ GV gợi ý để HS nói thêm về thời gian của sự việc nêu trong câu ví dụ. Sau đó GV hỏi HS xem phần vừa thêm vào là bộ phận gì của câu.

- Bước 2: HS suy nghĩ, trả lời.

+ HS tiến hành phân tích câu đã thêm phần chỉ thời gian. Ví dụ: Đầu năm nay, em tôi bắt đầu học tiếng Anh. Sau đó HS nhận biết phần chỉ thời gian là phần phụ thêm vào làm rõ nghĩa thời gian cho sự việc nêu ở bộ phận chính.

+ HS nghe GV gọi tên phần chỉ thời gian của câu là trạng ngữ chỉ thời gian.

+ HS thực hành thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho một số câu khác và đặt câu hỏi để xác định chính xác trạng ngữ chỉ thời gian trong mỗi câu.

- Bước 3: Đánh giá câu trả lời của HS.

+ Từng HS nêu các ví dụ về câu có trạng ngữ chỉ thời gian và chỉ ra phần trạng ngữ trong mỗi câu. HS khác bình luận.

+ Một số HS đặt câu có trạng ngữ chỉ thời gian theo yêu cầu của một tình huống giao tiếp

cụ thể. Ví dụ: Giới thiệu cho bạn em về một chuyện vui của gia đình em trong thời gian gần đây nhất. (Ông ngoại em mới tổ chức mừng thượng thọ 70 tuổi vào chủ nhật tuần trước). Những HS khác bình luận.

4.6.5. Cách viết tên các cơ quan, tổ chức ở phần Chính tả lớp 5 (học kì II)

- Bước 1: GV nêu câu hỏi, giúp HS định hướng trả lời.

+ GV yêu cầu HS nói tên trường em, tên một cơ quan hoặc tổ chức ở địa phương mà các em biết.

+ GV hỏi HS xem cách viết từng tên nói trên thế nào. Một số HS trả lời và GV viết theo chỉ dẫn của các em.

- Bước 2: HS suy nghĩ, trả lời..

+ GV hướng dẫn HS phân tích từng tên thành các bộ phận và giúp HS phân tích đúng từng bộ phận của tên.

+ GV gợi ý HS nhớ lại cách viết tên người Việt Nam và cho HS biết viết tên cơ quan, tổ chức cũng gần giống cách viết tên người (viết hoa chữ cái đầu mỗi bộ phận của tên).

+ HS thực hành viết tên trường em, tên cơ quan các em đã nêu theo chỉ dẫn của GV.

+ HS thực hành viết các tên cơ quan tổ chức khác theo yêu cầu từ dễ đến khó: các tên đã phân tích thành từng bộ phận và các tên chưa phân tích thành từng bộ phận.

- Bước 3: Đánh giá câu trả lời của HS.

+ Từng nhóm HS viết tên cơ quan tổ chức theo sự phân công của GV: mỗi nhóm viết tên một tổ chức gần gũi với các em, tên một cơ quan, tổ chức có ở địa phương. GV và các bạn nhóm khác bình luận để hoàn thiện.

+ Mỗi HS viết 2 tên cơ quan, tổ chức vào vở, trong đó có thể hiện sự phân tích từng tên thành các bộ phận.

(Còn nữa)

SUMMARY

The article presents such a number of Vietnamese-teaching methods at the primary level as 1/ language analysis; 2/ communication; 3/Pattern-based drilling; 4/ Using learning games; ...